

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số $\frac{24056}{1000}$ được viết thành số thập phân là:

- A. 24,56 B. 24,056 C. 24,0056 D. 2,4056

Phương pháp

Viết phân số thập phân thành hỗn số có chứa phân số thập phân, sau đó chuyển về dạng số thập phân.

Lời giải

Ta có $\frac{24056}{1000} = 24\frac{56}{1000} = 24,056$

Đáp án: B

Câu 2. Chữ số 7 trong số thập phân 134,57 thuộc hàng nào?

- A. Hàng đơn vị B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

Phương pháp

Các chữ số thuộc phần thập phân từ trái sang phải thuộc hàng phần mười, hàng phần trăm,

Lời giải

Chữ số 7 trong số thập phân 134,57 thuộc hàng phần trăm.

Đáp án: C

Câu 3. Kết quả của phép tính $790 : 0,01$ là:

- A. 7,90 B. 0,79 C. 7 900 D. 79 000

Phương pháp

Muốn chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $790 : 0,01 = 790 \times 100 = 79\ 000$

Đáp án: D

Câu 4. Tổ Một trồng nhiều hơn tổ Hai là 20 cây. Nếu tổ Một trồng thêm 4 cây và tổ Hai bớt đi 3 cây thì tỉ số cây trồng được của hai tổ là $\frac{7}{4}$. Hỏi tổ Một trồng được bao nhiêu cây?

- A. 56 cây B. 49 cây C. 63 cây D. 59 cây

Phương pháp

- Tìm hiệu số cây của hai tổ khi tổ Một trồng thêm 4 cây và tổ Hai bớt đi 3 cây

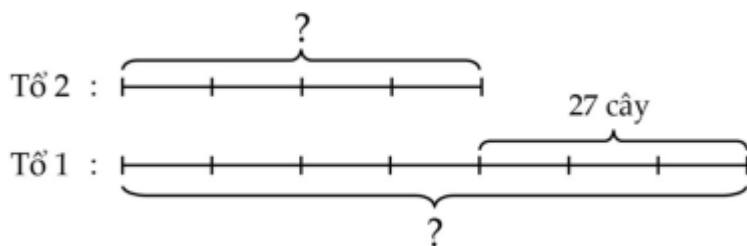
- Vẽ sơ đồ, tìm hiệu số phần bằng nhau
- Tìm số cây tổ Một lúc sau
- Tìm số cây của tổ Một ban đầu

Lời giải

Hiệu mới số cây trồng được của hai tổ là:

$$20 + 4 + 3 = 27 \text{ (cây)}$$

Ta có sơ đồ cây trồng được của hai tổ lúc sau là:



Hiệu số phần bằng nhau là: $7 - 4 = 3$ (phần)

Số cây tổ 1 lúc sau là: $27 : 3 \times 7 = 63$ (cây)

Số cây tổ 1 thực tế trồng được là: $63 - 4 = 59$ (cây)

Đáp án: D

Câu 5. Một can chứa 10 lít dầu. Lần thứ nhất người ta lấy ra 1,25 lít dầu, lần thứ hai lấy ra 0,65 lít dầu. Vậy sau hai lần lấy, trong can còn lại số lít dầu là:

- A. 11,9 lít B. 7,1 lít C. 8,1 lít D. 8,15 lít

Phương pháp

- Tìm số lít dầu lấy ra trong hai lần
- Tìm số lít dầu còn lại

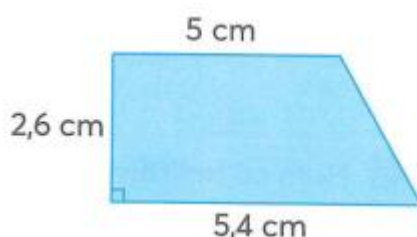
Lời giải

Số lít dầu lấy ra trong hai lần là: $1,25 + 0,65 = 1,9$ (lít)

Số lít dầu còn lại là: $10 - 1,9 = 8,1$ (lít)

Đáp án: C

Câu 6. Diện tích của hình thang bên là:



- A. 13,52 cm² B. 27,04 cm² C. 14,04 cm² D. 7,02 cm²

Phương pháp

Diện tích của hình thang = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Lời giải

Diện tích của hình thang là $(5,4 + 5) \times 2,6 : 2 = 13,52 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị biểu thức

a) $(1,25 \times 42 + 216,54 \times 10) : 0,1$

b) $72,16 - 4,05 \times 4 - 135 : 4$

Phương pháp

a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính ở trong ngoặc trước.

b) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } (1,25 \times 42 + 216,54 \times 10) : 0,1 &= (52,5 + 2165,4) : 0,1 \\ &= 2217,9 : 0,1 \\ &= 22\ 179 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 72,16 - 4,05 \times 4 - 135 : 4 &= 72,16 - 16,2 - 33,75 \\ &= 55,96 - 33,75 = 22,21 \end{aligned}$$

Câu 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

385 m = km

89 g = kg

2 km² 37 m² = km²

14 ha = km²

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m} = \frac{1}{1000} \text{ km}$; $1\text{g} = \frac{1}{1000} \text{ kg}$

$$1\text{m}^2 = \frac{1}{1000000} \text{ km}^2 ; 1\text{ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

Lời giải

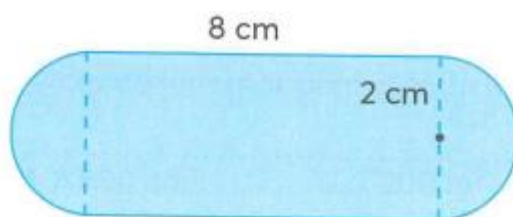
385 m = **0,385** km

89 g = **0,089** kg

2 km² 37 m² = **2,000037** km²

14 ha = **0,14** km²

Câu 3. Tính diện tích của hình dưới đây:

**Phương pháp**

- Tìm chiều rộng của hình chữ nhật

- Tìm diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng
- Tìm diện tích hình tròn có bán kính 2 cm = bán kính x bán kính x 3,14
- Diện tích hình được tô màu = diện tích hình chữ nhật + diện tích hình tròn

Lời giải

Diện tích hình tròn có bán kính 2 cm là:

$$2 \times 2 \times 3,14 = 12,56 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Chiều rộng của hình chữ nhật là:

$$2 \times 2 = 4 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$8 \times 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích của hình đã cho là:

$$12,56 + 32 = 44,56 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 44,56 \text{ cm}^2$$

Câu 4. Thửa ruộng nhà ông Hòa hình vuông. Trên bản đồ địa chính của xã vẽ theo tỉ lệ 1 : 2 000, ông tính được chu vi là 8cm. Hỏi trên thực tế diện tích thửa ruộng nhà ông Hòa rộng bao nhiêu mét vuông?

Phương pháp

- Tìm độ dài một cạnh của thửa ruộng trên bản đồ
- Tìm độ dài thực tế của 1 cạnh thửa ruộng
- Đổi sang đơn vị mét
- Tìm diện tích thửa ruộng

Lời giải

Độ dài một cạnh của thửa ruộng hình vuông trên bản đồ là:

$$8 : 4 = 2 \text{ (cm)}$$

Trên thực tế độ dài một cạnh của thửa ruộng hình vuông đó là:

$$2 \times 2000 = 4000 \text{ (cm)}$$

$$\text{Đổi } 4000 \text{ cm} = 40 \text{ m}$$

Trên thực tế diện tích thửa ruộng nhà ông Hòa là:

$$40 \times 40 = 1600 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 1600 \text{ m}^2$$